

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cáp Hồng Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Nam	Thành viên
Ông Lê Dũng Lâm	Thành viên
Ông Trần Minh Đức	Thành viên
Bà Hồ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Bùi Việt Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2018
Bà Trần Thị Gấm	Thành viên	
Ông Dương Anh Tường	Thành viên	

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Dũng Lâm	Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Lê Dũng Lâm

Giám đốc

Nha Trang, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Số: 19.509/BCKT/2019-RSM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17/03/2019 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Trần Thị Như Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
2293-2018-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.014.144.824	9.317.812.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.214.657.505	2.083.836.370
1. Tiền	111		3.214.657.505	2.083.836.370
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.325.191.689	4.242.614.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.867.499.423	1.887.982.318
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	2.468.182.240	1.219.309.420
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.989.510.026	1.141.401.041
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(16.078.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.278.350.463	1.396.787.423
1. Hàng tồn kho	141	4.5	1.278.350.463	1.396.787.423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.195.945.167	1.594.574.238
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.195.945.167	729.093.984
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	316.447.940
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	-	549.032.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.353.494.993	62.388.373.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		576.000.000	1.374.546.683
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	576.000.000	1.374.546.683
II. Tài sản cố định	220		40.505.253.670	42.210.841.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	34.662.199.760	35.260.267.635
Nguyên giá	222		75.736.259.965	70.193.420.411
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.074.060.205)	(34.933.152.776)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.843.053.910	6.950.574.031
Nguyên giá	228		8.358.251.372	8.207.622.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.515.197.462)	(1.257.048.255)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.584.754.166	6.567.984.691
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	4.584.754.166	6.567.984.691
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.687.487.157	12.235.000.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	10.687.487.157	12.235.000.660
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.367.639.817	71.706.186.510

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.646.248.303	28.130.609.609
I. Nợ ngắn hạn	310		16.133.348.158	22.221.094.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	1.907.898.861	5.818.562.915
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	1.324.699.000	419.484.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	169.142.952	93.859.198
4. Phải trả người lao động	314		3.485.634.143	6.050.488.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	162.953.899	226.236.342
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	904.320.646	480.080.308
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	6.809.553.333	7.756.273.332
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.369.145.324	1.376.109.858
II. Nợ dài hạn	330		3.512.900.145	5.909.514.728
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	131.000.000	172.200.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	3.381.900.145	5.737.314.728
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.721.391.514	43.575.576.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	48.721.391.514	43.441.691.901
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.795.770.000	24.795.770.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.795.770.000	24.795.770.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.747.545.000	3.747.545.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.021.421.973	1.021.421.973
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.018.624.429	5.305.713.363
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.138.030.112	8.571.241.565
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		7.434.741.581	3.990.377.914
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.703.288.531	4.580.863.651
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	133.885.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	133.885.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.367.639.817	71.706.186.510



Lê Dũng Lâm

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Lý Thị Thanh Lam

Kế toán trưởng



Trần Thị Gấm

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	141.718.199.967	133.491.555.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		141.718.199.967	133.491.555.440
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	120.798.041.384	111.661.328.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.920.158.583	21.830.226.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	84.535.495	135.994.062
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.208.396.714	1.083.224.930
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.208.396.714</i>	<i>1.083.224.930</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.294.391.355	2.421.986.087
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	8.940.369.537	12.074.548.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.561.536.472	6.386.460.865
11. Thu nhập khác	31	5.7	376.593.188	1.078.638.189
12. Chi phí khác	32	5.8	5.473.065	275.325.343
13. Lợi nhuận khác	40		371.120.123	803.312.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.932.656.595	7.189.773.711
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.803.545.932	1.463.694.146
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.129.110.663	5.726.079.565
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	2.588	2.078
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	2.588	2.078



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam


Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		143.322.441.690	132.955.083.411
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(97.800.490.717)	(96.406.592.571)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.271.282.682)	(13.549.816.255)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.209.931.106)	(1.145.397.410)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.235.537.032)	(1.668.466.261)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.846.836.118	9.525.273.893
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.931.164.058)	(13.308.102.062)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.720.872.213	16.401.982.745
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.868.599.941)	(22.087.959.035)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		725.936.450	1.989.954.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(10.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84.535.495	141.517.404
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.048.127.996)	(19.966.487.086)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	13.355.598.750	25.895.926.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(16.657.733.332)	(19.846.273.338)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.239.788.500)	(2.479.577.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.541.923.082)	3.570.075.662
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.130.821.135	5.571.321
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.083.836.370	2.078.265.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		3.214.657.505	2.083.836.370



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng



Trần Thị Gấm
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Du lịch Long Phú thuộc Tổng Công ty Khánh Việt) theo Quyết định số 1734/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000238 ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 22 tháng 08 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 4200451896.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 24.795.770.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia /Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khánh Việt	Việt Nam	13.016.960.000	52%	13.016.960.000	52%
Công ty Cổ phần Avalue	Việt Nam	5.419.570.000	22%	5.419.570.000	22%
Các đối tượng khác	Việt Nam	6.359.240.000	26%	6.359.240.000	26%
Cộng		24.795.770.000	100%	24.795.770.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 273 (31/12/2017: 279).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh du lịch và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Kinh doanh karaoke; Dịch vụ lặn biển;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động thể thao khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo về phong cách sống trong môi trường quân đội;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Chăn nuôi khác. Chi tiết: Chăn nuôi khỉ và động vật rừng;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi, ô tô, điểm bốc xếp, hàng hóa; bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé tàu, vé xe, vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quầy bar);
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thu tiền đỗ xe;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện vật cảnh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Phú Yên	247 Trường Chinh, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Đắk Lắk	313 Phan Chu Trinh, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Lâm Đồng	56 Lê Thánh Tôn, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các phải thu khác sau khi đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2018</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 8 năm
▪ Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	10 – 30 năm

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam trong 48,7 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, chi phí thuê đất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

Chi phí thuê mặt bằng, phí kiểm toán, và các chi phí khác: căn cứ theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm: chi phí đi vay vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sản phẩm từ nông nghiệp (nuôi và bán sản phẩm sơ chế từ đà điểu,...): thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế: 0%;
- Hoạt động vận chuyển, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch lữ hành nội địa theo hình thức trọn gói: 10%;
- Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	992.793.137	1.378.935.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.221.864.368	704.900.843
Cộng	3.214.657.505	2.083.836.370

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	281.393.000	102.112.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ thế giới mới	50.849.000	171.849.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt nam	80.584.000	148.260.000
Công ty TNHH Lữ hành Pegas Misr Việt Nam	183.665.000	177.020.000
Công Ty TNHH Du Lịch Haha	200.000.000	-
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vượng	275.000.000	-
Công ty TNHH SX và TM Hoàng Long Vina	-	164.915.000
Nguyễn Thị Diệu Yên	-	135.000.000
Các đối tượng khác	796.008.423	988.826.318
Cộng	1.867.499.423	1.887.982.318

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Viện Nghiên Cứu Chế Tạo Tàu Thủy Trường ĐHTT	-	365.093.400
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	1.670.020.740	592.310.520
Công ty Cổ phần Truyền thông và Lữ hành Việt	252.553.000	-
Công ty TNHH Tư vấn giải pháp Công nghệ Thông tin	305.309.500	-
Các đối tượng khác	240.299.000	261.905.500
Cộng	2.468.182.240	1.219.309.420

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	46.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.455.674.700	-	945.048.500	-
Công ty Điện lực Khánh Hòa	376.273.354	-	-	-
BHXX nộp thừa	-	-	23.124.705	-
Nguyễn Hồ Anh Vũ	-	-	9.522.700	-
Các đối tượng khác	111.561.972	-	163.705.136	-
Cộng	1.989.510.026	-	1.141.401.041	-
Dài hạn:				
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	-		752.546.683	-
Ký quỹ, ký cược ngân hàng Sacombank	500.000.000		500.000.000	-
Điện Lực Trung Tâm Nha Trang	26.000.000		26.000.000	-
Công ty CP Cấp Thoát Nước Khánh Hòa	10.000.000		10.000.000	-
KS Ngân Thông (Tiền thuê MB VP Lâm Đồng)	-		30.000.000	-
Nguyễn Tiến Thắng (Tiền thuê MB VP Đắc Lắc)	-		16.000.000	-
Lê Thị Kim Cúc (Tiền thuê MB 15 Ngô Đức Kế)	40.000.000		40.000.000	-
Cộng	576.000.000	-	1.374.546.683	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	516.119.567	-	452.984.530	-
Công cụ, dụng cụ	282.084.463	-	444.065.431	-
Hàng hóa	480.146.433	-	499.737.462	-
Cộng	1.278.350.463	-	1.396.787.423	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	214.171.918	165.463.905
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	635.707.408	280.935.802
Chi phí bảo hiểm, đăng kiểm xe	143.743.000	86.032.792
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	53.806.000	-
Chi phí khác	148.516.841	196.661.485
Cộng	1.195.945.167	729.093.984
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	818.065.969	1.408.891.078
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	228.539.627	822.694.843
Chi phí huấn luyện xiếc thú	114.319.174	89.329.463
Chi phí thuê đất (*)	9.246.202.294	9.447.206.686
Chi phí khác	280.360.093	466.878.590
Cộng	10.687.487.157	12.235.000.660

(*)Chi phí thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 40 giữa Công ty Cổ Phần Du lịch Long Phú và UBND Tỉnh Khánh Hòa, thời hạn thuê từ 12/4/2016 đến 1/12/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	35.477.942.962	3.065.577.978	29.624.157.231	575.224.554	1.450.517.686	70.193.420.411
Mua trong năm	-	197.272.727	4.427.983.341	-	-	4.625.256.068
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.604.578.548	-	-	-	-	2.604.578.548
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.686.995.062)	-	-	(1.686.995.062)
Tại ngày 31/12/2018	38.082.521.510	3.262.850.705	32.365.145.510	575.224.554	1.450.517.686	75.736.259.965
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	19.843.815.363	2.205.135.514	11.572.409.474	366.535.697	945.256.728	34.933.152.776
Khấu hao trong năm	3.395.821.121	303.183.087	3.683.550.514	100.064.656	32.258.436	7.514.877.814
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.373.970.385)	-	-	(1.373.970.385)
Tại ngày 31/12/2018	23.239.636.484	2.508.318.601	13.881.989.603	466.600.353	977.515.164	41.074.060.205
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	15.634.127.599	860.442.464	18.051.747.757	208.688.857	505.260.958	35.260.267.635
Tại ngày 31/12/2018	14.842.885.026	754.532.104	18.483.155.907	108.624.201	473.002.522	34.662.199.760

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 13.942.178.220 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.870.514.454 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí liên quan quyền sử dụng đất VND	Quyên sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	858.380.296	7.349.241.990	8.207.622.286
Mua trong năm	-	-	-
Tăng do biên bản kiểm tra của KTNN	-	150.629.086	150.629.086
Tại ngày 31/12/2018	858.380.296	7.499.871.076	8.358.251.372
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2018	386.484.051	870.564.204	1.257.048.255
Khấu hao trong năm	27.209.352	1.209.421.414	1.236.630.766
Tăng do biên bản kiểm tra của KTNN	-	21.518.441	21.518.441
Tại ngày 31/12/2018	413.693.403	2.101.504.059	2.515.197.462
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	471.896.245	6.478.677.786	6.950.574.031
Tại ngày 31/12/2018	444.686.893	5.398.367.017	5.843.053.910

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí dự án Khách sạn Hoàng Gia	3.146.978.273	3.146.978.273
Chi phí đo, vẽ đất quy hoạch khu Đá Chồng	770.000.001	770.000.001
Chi phí tư vấn phát triển dự án Hoa Lan + Hòn Hèo	136.363.636	136.363.636
Chi phí tư vấn phát triển dự án Đảo Khỉ	136.363.636	136.363.636
Chi phí thi công công trình nhà hàng Hòn Lao	-	281.243.182
Chi phí làm khán đài trường đua chó	-	128.024.145
Chi phí mua động cơ thủy ca nô cao tốc	-	1.130.234.545
Chi phí mua xe 16 chỗ Ford Transit	-	774.545.455
Dự án mở rộng diện tích mặt nước biển Hòn Lao	108.928.182	27.110.000
Chi phí làm nhà xe Đá Chồng	-	37.121.818
Cải tạo nhà xiếc thú Hòn Lao	78.961.544	-
Chi phí làm hồ nuôi cá Koi Hoa Lan	12.051.000	-
Chi phí làm nhà mẫu Hoa Lan	195.107.894	-
Cộng	4.584.754.166	6.567.984.691

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	41.912.000	41.912.000	31.783.600	31.783.600
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thiết Bị Hàng Hải Minh Long	-	-	497.304.000	497.304.000
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Ô Tô Thanh Xuân	-	-	596.400.000	596.400.000
Công ty TNHH MTV XD và ĐT Khánh Hòa	63.831.000	63.831.000	1.464.098.000	1.464.098.000
Công ty Cổ phần Văn Lang	115.540.000	115.540.000	53.647.000	53.647.000
DNTN Xăng dầu Vĩnh Lương	-	-	103.384.700	103.384.700
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Long Sơn	192.610.000	192.610.000	-	-
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	150.454.697	150.454.697	-	-
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vượng	275.000.000	275.000.000	-	-
Công ty TNHH Nguyên Phú	113.957.250	113.957.250	-	-
Công ty TNHH Sao Mai Anh	118.200.000	118.200.000	-	-
Đối tượng khác	836.393.914	836.393.914	3.071.945.615	3.071.945.615
Cộng	1.907.898.861	1.907.898.861	5.818.562.915	5.818.562.915

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	955.149.000	-
Công ty Lữ hành Hà Nội Tourist - TCT DL Hà Nội	200.970.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Phẩm Nam Việt	-	68.404.000
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vượng	-	250.000.000
Các đối tượng khác	168.580.000	101.080.000
Cộng	1.324.699.000	419.484.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	107.283.777	5.610.714.213	5.564.407.544	1.159.090	62.136.198	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.997.900	1.829.368.061	1.235.537.032	547.833.129	-	
Thuế thu nhập cá nhân	15.861.275	292.593.707	308.455.432	-	31.723.000	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	239.681.603	239.641.508	40.095	-	
Thuế tài nguyên	-	788.000	788.000	-	-	
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-	-	
Cộng	169.142.952	7.980.145.584	7.355.829.516	549.032.314	93.859.198	

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	72.090.447	73.624.839
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	15.000.000	15.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	-	17.100.000
Các khoản trích trước khác	75.863.452	120.511.503
Cộng	162.953.899	226.236.342

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	60.548.323	81.534.767
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	114.600.000	114.600.000
Thuế TNCN phải trả	291.369.002	41.541.364
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng, xưởng nước:	388.200.000	235.923.500
Phải trả khác	49.603.321	6.480.677
Cộng	904.320.646	480.080.308
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng nhà Xưởng	131.000.000	172.200.000
- Lương Quang Huy	-	2.200.000
- Nguyễn Thị Khánh Hòa	40.000.000	40.000.000
- Lương Thị Hiền	40.000.000	40.000.000
- Đỗ Thị Dự	-	40.000.000
- Hà Thị Liên	-	30.000.000
- Công ty TNHH DinKay	-	20.000.000
- Cao Vũ Thúy Oanh	40.000.000	-
- Công ty TNHH DL TM Lê Vương	3.000.000	-
- Phạm Văn Tuấn	8.000.000	-
Cộng	131.000.000	172.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Lê Thị Phương	-	-	3.000.000.000	5.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Nợ dài hạn đến hạn trả là bên liên quan - Xem thêm mục 8	376.273.333	376.273.333	376.273.333	376.273.332	376.273.332	376.273.332
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	1.424.000.000	1.424.000.000	1.424.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	1.611.280.000	1.611.280.000	1.611.280.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	1.918.000.000	1.918.000.000	1.918.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Cộng	6.809.553.333	6.809.553.333	13.809.553.333	14.756.273.332	7.756.273.332	7.756.273.332

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dài hạn:

Vay dài hạn là bên liên quan - Xem thêm mục 8

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	143.041.395	143.041.395		376.273.333	519.314.728	519.314.728
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	1.070.000.000	1.070.000.000		1.480.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	766.658.750	766.658.750	3.586.398.750	2.819.740.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Khánh Hòa	-	-		1.918.000.000	1.918.000.000	1.918.000.000
Cộng	1.402.200.000	1.402.200.000	2.769.200.000	2.117.000.000	750.000.000	750.000.000
	3.381.900.145	3.381.900.145	6.355.598.750	8.711.013.333	5.737.314.728	5.737.314.728

- Vay dài hạn Tổng Công ty Khánh Việt theo Hợp đồng vay nợ số 01/2007TCT-ĐT ngày 12/04/2007, lãi suất 0%/ tháng theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 năm.
- Vay dài hạn Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh theo Hợp đồng vay nợ số 18/4/2017/HĐVV/VL-LP ngày 17 tháng 04 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.400.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng từ 18/04/2017 đến 18/04/2020, lãi suất 7,5%/ năm. Mục đích vay để đầu tư mua mới 2 xe 45 chỗ.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 05/2018-HDDCVDADDT/NHCT580/KHDN ngày 10 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 596.400.000 VND thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,7%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe 16 chỗ hiệu Ford transit Luxury. Tài sản đảm bảo Xe 16 chỗ Ford transit 79B-02578.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 06/2018-HDDCVDADDT/NHCT580/KHDN ngày 23 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 3.000.000.000 VND thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để đầu tư sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ HĐ SXKD năm 2018 (Dự án). Tài sản đảm bảo sổ đỏ Quyền sử dụng đất 40 Thái Nguyên – Nha Trang.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng vay nợ số 0117/TH-LP ngày 16 tháng 02 năm 2017 với hạn mức cho vay là 4.368.000.000 VND thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,4%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân do Tổng Giám đốc Vietcombank quy định cộng biên độ 2,6%. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 2 xe ô tô khách hiệu thaco BS 79B-002.10 và 79B-002.13. Tài sản đảm bảo Xe 45c - 79B 02210 và Xe 45c - 79B 02213.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa theo theo Hợp đồng vay nợ số HDTD6102017568 ngày 12 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 7,5%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 1 cano theo Hợp đồng mua bán số 2301/HĐMB-2017 ngày 16/2/2017 với Công ty TNHH Đóng tàu Lưu Gia. Tài sản đảm bảo Tàu Long Phú 21.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa theo theo Hợp đồng vay nợ số HDTD610201854 ngày 16 tháng 01 năm 2018 với hạn mức cho vay là 2.769.200.000 VND thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 10%/năm. Mục đích vay để thanh toán tiền 2 cano nhựa composite dài 12,3m rộng 2,76m, sức chở 42 khách cộng 3 thuyền viên, công suất 250HPx2. Tài sản đảm bảo Tàu Long Phú 22 và 24.

4.16. Vốn chủ sở hữu**4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	4.733.105.406	6.469.954.914	40.767.797.293
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.726.079.565	5.726.079.565
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	572.607.957	(572.607.957)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(572.607.957)	(572.607.957)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.479.577.000)	(2.479.577.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	5.305.713.363	8.571.241.565	43.441.691.901
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.129.110.663	7.129.110.663
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	712.911.066	(712.911.066)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(712.911.066)	(712.911.066)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(1.239.788.500)	(1.239.788.500)
Tặng khác	-	-	-	-	103.288.516	103.288.516
Tại ngày 31/12/2018	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	6.018.624.429	13.138.030.112	48.721.391.514

(*) Công ty chia cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 ngày 16/04/2018.

(**) Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch được công bố theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 ngày 16/04/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	13.016.960.000	13.016.960.000
Công ty Cổ phần Avalue	5.419.570.000	5.419.570.000
Các đối tượng khác	6.359.240.000	6.359.240.000
Cộng	24.795.770.000	24.795.770.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	24.795.770.000	24.795.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	24.795.770.000	24.795.770.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.479.577	2.479.577
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.479.577	2.479.577
- Cổ phiếu phổ thông	2.479.577	2.479.577
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.479.577	2.479.577
- Cổ phiếu phổ thông	2.479.577	2.479.577
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.129.110.663	5.726.079.565
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	712.911.066	572.607.957
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.416.199.597	5.153.471.608
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.479.577	2.479.577
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.588	2.078

4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.129.110.663	5.726.079.565
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	712.911.066	572.607.957
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.416.199.597	5.153.471.608
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.479.577	2.479.577
Số lượng CP phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.479.577	2.479.577
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.588	2.078

4.16.7. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông	-	1.239.788.500

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 16/04/2018 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 5%/vốn điều lệ tương ứng 1.239.788.500 đồng.

4.16.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	5.305.713.363
Trích trong năm	712.911.066
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	6.018.624.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.717.622.451	4.311.206.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	138.000.577.516	129.180.349.436
Cộng	141.718.199.967	133.491.555.440
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	8.159.246.253	6.734.961.115

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng	2.251.758.842	2.495.079.410
Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.546.282.542	109.166.249.227
Cộng	120.798.041.384	111.661.328.637

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	84.535.495	135.994.062
Cộng	84.535.495	135.994.062

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	1.208.396.714	1.083.224.930
Cộng	1.208.396.714	1.083.224.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí hoa hồng	1.509.951.750	1.033.654.500
Chi phí tuyên truyền, tiếp thị quảng cáo	784.439.605	1.387.332.685
Chi phí bằng tiền khác	-	998.902
Cộng	2.294.391.355	2.421.986.087

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.019.723.731	6.298.019.766
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.117.981	132.473.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.877.128	312.258.358
Thuế, phí và lệ phí	447.685.995	252.547.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.319.214.819	1.455.315.224
Chi phí bằng tiền khác	1.638.749.883	3.623.934.476
Cộng	8.940.369.537	12.074.548.983

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	345.989.898	1.062.375.322
Thu nhập khác	30.603.290	16.262.867
Cộng	376.593.188	1.078.638.189

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí TSCĐ thiệt hại do bão	-	236.828.326
Tiền chậm nộp, phạt thuế	-	30.861.098
Chi phí khác	5.473.065	7.635.919
Cộng	5.473.065	275.325.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.041.417.641	14.044.472.993
Chi phí nhân công	26.875.513.403	30.631.740.999
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.990.256.663	1.901.514.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.751.508.580	7.484.585.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.526.558.744	53.303.241.881
Chi phí khác bằng tiền	12.595.788.403	16.297.228.505
Cộng	129.781.043.434	123.662.784.297

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.932.656.595	7.189.773.711
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	85.073.065	128.697.017
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	85.073.065	128.697.017
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	18.473.065	62.097.017
- Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	66.600.000	66.600.000
- Chi phí phạt hành chính	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.017.729.660	7.318.470.728
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	1.803.545.932	1.463.694.146

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.355.598.750	25.895.926.000
Cộng	13.355.598.750	25.895.926.000

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	16.657.733.332	19.846.273.338
Cộng	16.657.733.332	19.846.273.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ du lịch và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Khánh Việt	Công ty mẹ
2. Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	ĐVTT của TCT Khánh Việt
3. Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	ĐVTT của TCT Khánh Việt
4. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
5. Công viên du lịch Yang Bay	ĐVTT của TCT Khánh Việt
6. Xí nghiệp may Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
7. Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
8. Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	ĐVTT của TCT Khánh Việt
9. Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt
10. Công ty TNHH Thương mại Khatoco	ĐVTT của TCT Khánh Việt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu:		
Tổng Công ty Khánh Việt	281.393.000	102.112.000
Cộng - Xem thêm mục 4.2	281.393.000	102.112.000
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả:		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco - Xem thêm mục 4.11	955.149.000	-
Công ty CP thức ăn chăn nuôi Khatoco - Xem thêm mục 4.10	-	7.143.600
Công ty TNHH Thương mại Khatoco - Xem thêm mục 4.10	41.912.000	24.640.000
Tổng Công ty Khánh Việt - Xem thêm mục 4.15	519.314.728	895.588.060
Cộng	1.516.375.728	927.371.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng:		
Tổng Công ty Khánh Việt	4.634.705.144	2.759.664.990
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	661.818.181	1.677.050.172
Công viên Du lịch Yang Bay	167.124.682	531.315.096
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	293.656.699	478.444.267
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	399.242.832	227.755.714
Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco	-	357.434.237
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	-	147.089.091
Xí nghiệp may Khatoco	1.298.353.197	408.225.730
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	103.456.954	147.981.818
Trung tâm Giống Đà điều Khatoco Quảng Nam	600.888.564	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	8.159.246.253	6.734.961.115
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng:		
Công viên Du lịch Yang Bay	167.349.999	129.414.546
Trung tâm giống Đà điều Ninh Hòa	30.000.000	15.270.000
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco	-	49.357.500
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	7.272.728	24.545.455
Cộng	204.622.727	218.587.501
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trả nợ vay:		
Tổng Công ty Khánh Việt	376.273.338	376.273.329
Cộng	376.273.338	376.273.329
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Khánh Việt	650.848.000	1.301.696.000
Cộng	650.848.000	1.301.696.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Địa chỉ: Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	85.200.000	85.200.000
Thu nhập Ban Giám đốc	1.036.772.850	968.071.000

9. THÙ LAO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	174.155.300	162.637.625

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gám
Người lập